BẢN ĐỒ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030

HUYỆN BUÔN ĐÔN - TỈNH ĐẮK LẮK

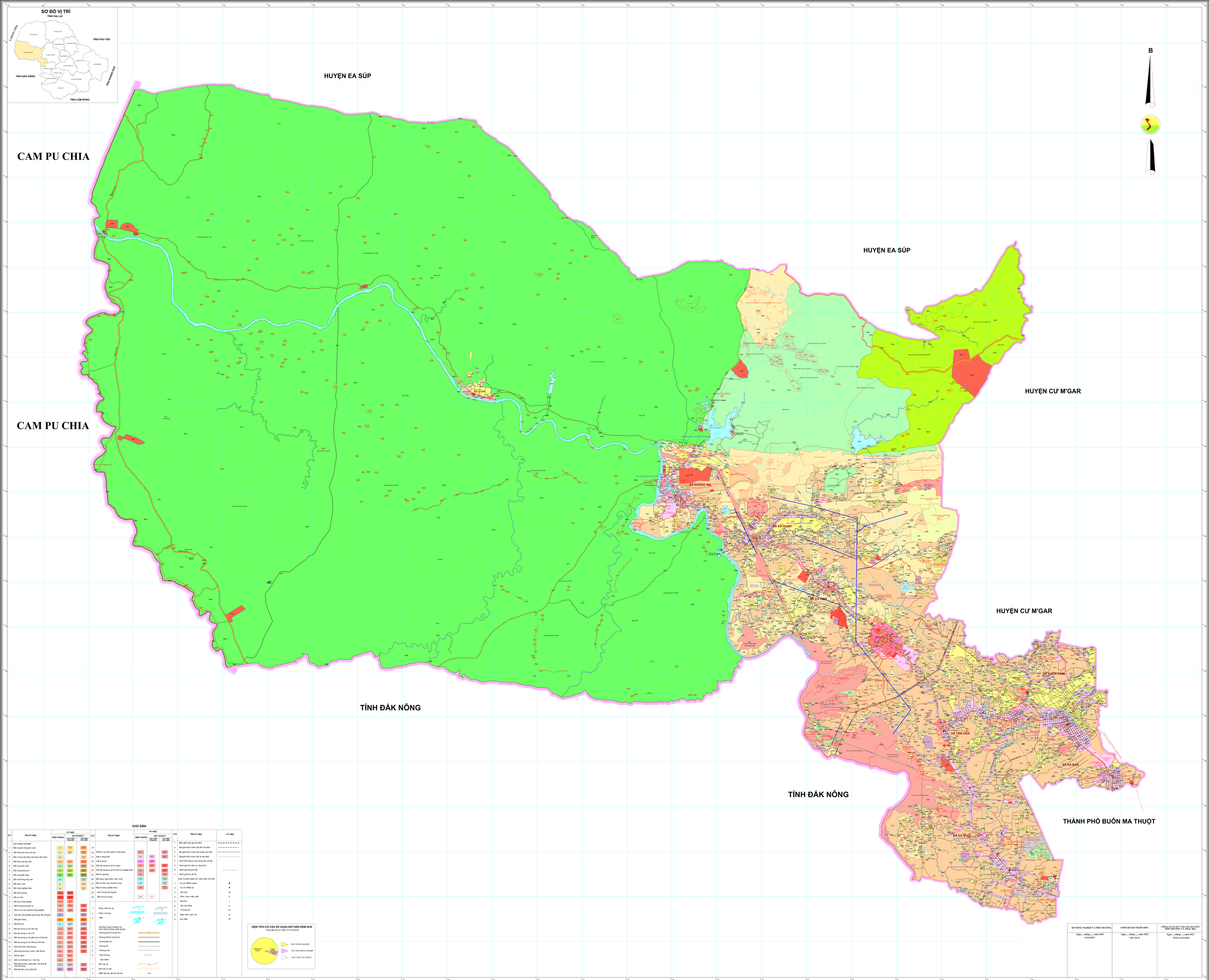

CHÚ DẪN

STT	TÊN KÝ HIỆU	KÝ HIỆU: HIỆN TRẠNG	KÝ HIỆU: QUY HOẠCH CẤP HUYỆN QUẢN LÝ	KÝ HIỆU: QUY HOẠCH CẤP TỈNH XÉT DUYỆT
	ĐẤT NÔNG NGHIỆP			
1	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	TLUC	TLUC
2	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	HLUC	HLUC
3	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK		TLUC
4	Đất trồng cây lâu năm	CLN	TLUC	TLUC
5	Đất rừng sản xuất	RSX	TLUC	TLUC
6	Đất rừng phòng hộ	RPH	TLUC	TLUC
7	Đất rừng đặc dụng	RDD	TLUC	TLUC
8	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS		TLUC
9	Đất chăn nuôi	CHN		TLUC
10	Đất nông nghiệp khác	NKH		TLUC
1	Đất quốc phòng	CQP	HLUC	
2	Đất an ninh	CAN	HLUC	
3	Đất cụm công nghiệp	SKN	TLUC	
4	Đất thương mại dịch vụ	TMD	TLUC	TLUC
5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	TLUC	TLUC
6	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKV		TLUC
7	Đất giao thông	DGT	TLUC	TLUC
8	Đất thủy lợi	DTL	TLUC	TLUC
9	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	TLUC	TLUC
10	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	TLUC	TLUC
11	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	TLUC	TLUC
12	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	TLUC	TLUC
13	Đất công trình năng lượng	DNL	TLUC	TLUC
14	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	TLUC	TLUC
15	Đất tôn giáo	TON	TLUC	
16	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	TLUC	
17	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	TLUC	TLUC
18	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	TLUC	TLUC
19	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV		TLUC
20	Đất ở nông thôn	ONT	TLUC	TLUC
21	Đất ở đô thị	ONT	TLUC	
22	Đất trụ sở cơ quan	TSC	TLUC	TLUC
23	Đất xây dựng trụ sở tổ chức sự nghiệp khác	DHK	TLUC	TLUC
24	Đất tôn nguỡng	TIN		TLUC
25	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON		TLUC
26	Đất cơ sở tôn giáo	MNC		TLUC
27	Đất phi nông nghiệp khác	PNK		TLUC
28	ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG			
29	Đất chưa xét dụng	BCS	BCS	
30				
1	Sông, suối, hồ, ao			
2	Kênh, mương			
3	Đập			
	ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG LIÊN QUAN			
1	Đường quốc lộ và ghi chú			
2	Đường tỉnh lộ và ghi chú			
3	Đường liên xã			
4	Đường cụt			
5	Đường mòn			
6	Cầu bê tông			
	Cầu treo			
1	Biên độ cao			
2	Biên độ cao bản			
3	Điểm độ cao, ghi chú độ cao			

STT	TÊN KÝ HIỆU	KÝ HIỆU
1	Biên giới quốc gia xác định	
2	Địa giới hành chính cấp tỉnh xác định	
3	Địa giới hành chính cấp huyện xác định	
4	Địa giới hành chính cấp xã xác định	
5	Ranh hành lang an toàn sông suối, hồ đập	
5	Ranh giới khu dân cư nông thôn	
6	Ranh giới khoanh đất	
7	Ranh giới khu đô thị	
	ĐỐI TƯỢNG KINH TẾ, VĂN HÓA, XÃ HỘI	
1	Trụ sở UBND huyện	
2	Trụ sở UBND xã	
3	Sân bay	
4	Đình, chùa, miếu, đền	
5	Nhà thờ	
6	Sân vận động	
7	Trường học	
8	Bệnh viện, trạm y tế	
9	Bưu điện	

DIỆN TÍCH CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030
(Tổng diện tích tự nhiên: 141.014,08 ha)

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	UBND HUYỆN BUÔN ĐÔN	CÔNG TY CP TƯ VẤN TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VÀ TRẮC ĐỊA
Ngày ....tháng .....năm 2025 GIÁM ĐỐC	*Ngày ....tháng .....năm 2025* CHỦ TỊCH	*Ngày ....tháng .....năm 2025* TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUỒN TÀI LIỆU:
- Bản đồ hiện trạng rừng năm 2019
- Địa giới hành chính được hồ sơ đo đạc các cấp (VNACC)
- Bản đồ nền bản đồ tỷ lệ 1/500 khu trung tâm huyện

TỶ LỆ 1 : 25 000

ĐƠN VỊ KẾT DỰNG
Trong các điều tra và quy hoạch đất đai